

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUAN HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày 07-6-2022

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thị Diện

2. Bà Phạm Thị Nghi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 15/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/3/2022 về tranh chấp “Hôn nhân và Gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Len Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Bản Đun Pù, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

Bị đơn: Anh Cao Văn Đ, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản Đun Pù, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/3/2022; Bản tự khai và quá trình giải quyết, nguyên đơn Len Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Văn Đ xây dựng gia đình từ năm 2014, trên cơ sở tự do tìm hiểu, yêu đương, không ai ép buộc ai, không bị ai ép buộc, hai người tự nguyện đến với nhau và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đăng ký kết hôn vào ngày 03/01/2014 tại UBND xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đầm ấm tại bản Đun Pù, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa. Đến cuối năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì anh chị đã được gia đình hai bên nội ngoại và chính quyền địa phương nhiều lần dàn xếp, hòa giải nhưng vẫn không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân và hiện tại chị không có thai nghén. Nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung, tên các cháu là Cao Thị Ánh T, sinh ngày 08/01/2014 và cháu Cao Anh T, sinh ngày 28/11/2016, hiện tại các cháu đang ở cùng bố. Nguyên vọng của chị là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Cao Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; Giao cháu Cao Thị Ánh T, sinh ngày 08/01/2014 cho anh Cao Văn Đ là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp án phí HNGĐ sơ thẩm.

Về phía bị đơn Cao Văn Đ: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập anh để nộp bản tự khai, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, nhưng anh đều vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa anh trình bày anh Cao Văn Đ trình bày: Anh, chị kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định, anh cho rằng cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn nhưng không đáng kể, anh chị đã sống ly thân được 03 năm, nay anh vẫn còn tình cảm với vợ, mong muốn vợ quay về đoàn tụ để các con có cả bố và mẹ, nên không đồng ý muốn ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với chị Len Thị T là vợ chồng có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện nay các cháu đang phát triển bình thường về thể chất và trí lực. Nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của anh muốn được nuôi cả 02 cháu. Yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho 02 cháu, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

Tại bản nguyện vọng của các cháu Cao Thị Ánh T đề ngày 16/3/2022, cháu trình bày: Hiện tại cháu đang ở với bố, tại bản Đun Pù, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, nếu bố mẹ cháu mà ly hôn thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Cháu Cao Anh T chưa đủ 07 tuổi nên chưa có bản ghi nguyện vọng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đi làm ăn xa, vẫn thường xuyên về nhà, liên lạc với gia đình và biết được việc cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập nhưng cố tình trốn tránh vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng. Tại phiên tòa bị đơn có mặt. Như vậy, Bị đơn đã thực hiện chưa tốt quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy: Vợ chồng chị T, anh Đ chung sống và kết hôn theo đúng quy định, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, chị T nhất quyết xin ly hôn. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Đ cho rằng anh đang còn tình cảm với vợ, nên anh không đồng ý ly hôn, nhưng anh không chứng minh được tình cảm, trách nhiệm của mình với vợ con. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Đ không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đã sống ly thân từ lâu, nay chị T một mực có nguyện vọng muốn được ly hôn. Vì vậy, căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho chị Len Thị T ly hôn với anh Cao Văn Đ; Về con chung: Các đương sự có 02 con chung, cháu Cao Thị Ánh T và cháu Cao Anh T, hiện đều đang ở với bố; Cháu Cao Thị Ánh T có nguyện vọng muốn được ở với bố và chị T cũng muốn giao cháu Ánh T cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cao Anh T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Cao Văn Đ có nguyện vọng muốn được nuôi cả 02 cháu, nhưng anh chị đều không ai bị cấm về điều kiện nuôi con và để giảm gánh nặng, san sẻ trách nhiệm cho nhau nên chấp nhận yêu cầu của chị T là giao cho anh, chị mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. Về cấp dưỡng, chị T không yêu cầu giải quyết, anh Đ yêu cầu chị T đóng góp mỗi tháng là 1.000.000đ, nhưng xét thấy mỗi người nuôi một cháu nên yêu cầu của anh Đ không hợp lý, vì thu nhập của anh chị đều ngang nhau. Về tài sản chung, nợ nần chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này.

Từ những phân tích trên:

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều 28, điều 35, Điều 40, khoản 4 điều 147, điều 271, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Khoản 5 điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UNTƯQH14 ngày 30/12/2016.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Len Thị T.

Về Hôn nhân: Xử cho chị Len Thị T ly hôn với anh Cao Văn Đ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Cao Thị Ánh T, sinh ngày 08/01/2014 cho anh Cao Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu; Giao cháu Cao Anh T, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Len Thị T là người trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành; Anh Đ và chị T đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm và đều có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi theo quy định. Chị Len Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của anh Cao Văn Đ.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Len Thị T phải chịu 300.000^d án phí theo quy định.

Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều vào các điều 28, điều 35, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì Tòa án nhân dân huyện Quan Hóa thuộc thẩm quyền giải quyết. Bởi vì, anh Cao Văn Đ đang có hộ khẩu thường trú: Bản Đụn Pù, xã Nam Tiến, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, anh chưa chuyển khẩu hay tạm trú, tạm vắng ở nơi khác.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh Đính không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Đ theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Cao Văn Đ đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Len Thị T là Nguyên đơn; anh Cao Văn Đ là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với Nguyên đơn luôn chấp hành theo sự triệu tập của Tòa án và thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các quy định khác của pháp luật quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập đến để viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đã vắng mặt không có lý do, không hợp tác trong giải quyết vụ án, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Qua xác minh tại địa phương thì anh Cao Văn Đ có đi làm ăn xa và vẫn về nhà để thăm gia đình thường xuyên, chưa chuyển khẩu và chưa đăng ký tạm trú, tạm vắng đi nơi khác và anh đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn đã có mặt. Như vậy, Bị đơn chấp hành chưa tốt quyền, nghĩa vụ quy định tại điều Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trình bày của nguyên đơn tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản xác định mâu thuẫn và trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì: Chị Len Thị T và anh Cao Văn Đ kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 03/01/2014 tại UBND xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân

và gia đình, là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian dài tại bản Đun Pù, xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa, đến khoảng cuối năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên hay xảy ra cãi vã và anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, hiện tại mỗi người một nơi, không còn qua lại, không quan tâm gì đến nhau. Việc này đã được chính quyền địa phương xác nhận tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn. Anh Cao Văn Đ cho rằng mình vẫn còn tình cảm với vợ, không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng, chị Len Thị T nhất quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Cao Văn Đ. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân thời gian dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Len Thị T được ly hôn anh Cao Văn Đ.

[5] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Len Thị T và anh Cao Văn Đ có 02 con chung, tên các cháu là Cao Thị Ánh T, sinh ngày 08/01/2014, hiện đang ở với bố và cháu Cao Anh T, sinh ngày 28/11/2016, hiện đang còn nhỏ. Tại phiên tòa, anh Đ yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 cháu và yêu cầu chị Thúy cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, anh chị đều phải có trách nhiệm với con cái, đều là lao động tự do và thu nhập ngang nhau, cháu Cao Thị Ánh T có nguyện vọng muốn được ở bố, hiện nay cháu cũng đang ở với bố và để tránh xáo trộn cuộc sống của cháu, đồng thời san sẻ trách nhiệm, gánh nặng cho anh chị, không ai thuộc trường hợp bị cấm quyền chăm sóc, nuôi con, chị T cũng đồng ý với nguyện vọng của con. Vì vậy, nên giao cháu Cao Thị Ánh T cho anh Cao Văn Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp; Cháu Cao Anh T hiện đang đang còn nhỏ nên giao cho chị Len Thị T chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về đề nghị yêu cầu cấp dưỡng của anh Đ, HĐXX thấy anh chị đều là lao động tự do, thu nhập ngang nhau, thời gian dành cho con cái ngang nhau, nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu về cấp dưỡng của anh Đính.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, chị Len Thị T và anh Cao Văn Đ đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở, anh, chị đều có quyền làm đơn đề nghị thay đổi nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi có căn cứ của pháp luật.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Len Thị T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 39, điều 68, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 208, khoản 3 điều 210, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282 và điều 372 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83, Điều 84, Điều 88 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 1 Điều 24; khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Len Thị T.

1.1. Về Hôn nhân: Cho chị Len Thị T ly hôn với anh Cao Văn Đ.

1.2. Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Cao Thị Ánh T, sinh ngày 08/01/2014 cho anh Cao Văn Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Giao cháu Cao Anh T, sinh ngày 28/11/2016 cho chị Len Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, Chị Len Thị T và anh Cao Văn Đ đều có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở; Anh, chị đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết và có căn cứ của pháp luật.

1.3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, không xét.

2. Về án phí: Chị Len Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 17/3/2022 theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0012733 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử công khai, có mặt các đương sự. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Quan Hóa;
- Phòng 9 - VKS nhân dân T. Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Quan Hóa;
- UBND xã Nam Xuân, H. Quan Hóa;
- Nguyên đơn Len Thị T;
- Bị đơn Cao Văn Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

